

BÁO CÁO

Kết quả 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu 12 cơ sở dữ liệu lĩnh vực y tế

Thực hiện Công văn số 6471/SYT-VP ngày 29/9/2026 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên về việc báo cáo triển khai thực hiện chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu; trên cơ sở rà soát dữ liệu thuộc phạm vi quản lý, UBND phường Phố Hiến báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI

Ủy ban nhân dân phường Phố Hiến đã ban hành các văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện: Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 14/7/2026 về việc triển khai chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu của 12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế, Quyết định số 2080/QĐ-UBND phường về việc thành lập Tổ dữ liệu phường Phố Hiến.

Giao các phòng, đơn vị chuyên môn rà soát toàn bộ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; đối chiếu thông tin giữa hồ sơ đang quản lý và dữ liệu trên hệ thống.

Nội dung rà soát tập trung vào các trường thông tin còn thiếu, sai lệch hoặc chưa đồng bộ; ưu tiên số định danh cá nhân, ngày sinh, địa chỉ thường trú, tình trạng trùng lặp và tính thống nhất của thông tin với dữ liệu dân cư.

II. CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU TRỰC TIẾP TRIỂN KHAI

1. Cơ sở dữ liệu cơ sở trợ giúp xã hội.
2. Cơ sở dữ liệu đối tượng trợ giúp xã hội.
3. Cơ sở dữ liệu người khuyết tật.
4. Cơ sở dữ liệu người làm công tác xã hội.
5. Cơ sở dữ liệu lĩnh vực dự phòng HIV/AIDS.
6. Cơ sở dữ liệu quản lý trẻ em.
7. Cơ sở dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh.
8. Cơ sở dữ liệu nhân lực y tế.
9. Cơ sở dữ liệu môi trường cơ sở y tế.
10. Cơ sở dữ liệu về an toàn thực phẩm.
11. Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia.

12. Hệ thống thông tin lĩnh vực sức khỏe bà mẹ, trẻ em/sức khỏe sinh sản.

III. KẾT QUẢ RÀ SOÁT, CẬP NHẬT VÀ CHUẨN HÓA DỮ LIỆU

1. Cơ sở dữ liệu cơ sở trợ giúp xã hội: Trên địa bàn phường Phổ Hiến không có các cơ sở trợ giúp xã hội.

2. Cơ sở dữ liệu người khuyết tật:

- Tổng số người khuyết tật thuộc phạm vi quản lý: 675 người, trong đó:

+ Số được đồng bộ từ hệ thống CSDL bảo trợ xã hội sang: 428 người;

+ Số được cập nhật bổ sung: 247 người.

- Kết quả xử lý các trường thông tin:

+ Sai số định danh cá nhân: 08 người;

+ Sai ngày sinh: 428 người;

+ Thiếu giới tính: 428 người;

+ Thiếu dạng khuyết tật của 05 người.

- Số được rà soát, làm sạch, chuẩn hóa: 675 người, tỷ lệ hoàn thành: 100%.

3. Cơ sở dữ liệu đối tượng trợ giúp xã hội

- Tổng số đối tượng đang quản lý: 2187 người; số đã rà soát, đối chiếu trên hệ thống: 2187 người.

- Kết quả xử lý các trường thông tin:

+ Sai số định danh cá nhân: 09 người;

+ Sai tên: 04 người;

+ Sai ngày sinh: 185 người.

- Số cần tiếp tục xử lý: 03 người (đối tượng chưa có số định danh cá nhân do không làm thủ tục đăng ký thông tin dữ liệu dân cư).

- Số đã được làm sạch, chuẩn hóa: 2.184 người, tỷ lệ hoàn thành: 99,86%.

4. Cơ sở dữ liệu nhân viên công tác xã hội: Tổng số nhân viên công tác xã hội thuộc phạm vi quản lý: 08 người, đã cập nhật đầy đủ thông tin trên hệ thống, tỷ lệ hoàn thành đạt 100%.

5. Cơ sở dữ liệu lĩnh vực dự phòng, HIV/AIDS: Tổng số trường hợp cần rà soát: 95 người; đã xác minh đầy đủ thông tin trên phần mềm: 95 trường hợp; tỷ lệ hoàn thành: 100%.

6. Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia

Tổng số đối tượng trên phần mềm là 31.671 người; số đối tượng đã rà soát và cập nhật thành công là 28.516 người; số đối tượng còn tồn cần tiếp tục làm sạch là 3.155 người; tỷ lệ hoàn thành đạt 90,04%.

Đơn vị tiếp tục ưu tiên xử lý các trường hợp thiếu/sai số định danh, phối hợp với Công an, Tư pháp, tổ dân phố và các cơ sở tiêm chủng để xác minh, bổ sung thông tin. Dự kiến hoàn thành số dữ liệu còn tồn trước ngày 31/10/2026.

7. Cơ sở dữ liệu quản lý trẻ em

Tổng số trẻ dưới 16 tuổi là 10.815 trẻ, trong đó:

- Đã cập nhật, làm sạch và chuẩn hóa 9.925 trẻ; tỷ lệ hoàn thành 91,77%.
- Số chưa hoàn thành chuẩn hóa là 890 trẻ, chiếm 8,23%.

Đơn vị tiếp tục rà soát, đối chiếu và xác minh thông tin, bổ sung các trường thông tin còn thiếu, xử lý các trường hợp chưa thống nhất. Dự kiến hoàn thành trước ngày 31/10/2026.

8. Cơ sở dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh:

- Tính đến hết ngày 30/9/2026, toàn phường đã thực hiện khám sức khỏe cho 25.885/66.604 người dân trên địa bàn, đạt 38,9%.

- Về công tác cập nhật dữ liệu, toàn phường đã cập nhật dữ liệu khám sức khỏe cho 20.541 người, đạt 30,8% so với tổng số người dân (*đạt 79,4% so với số đã khám*), trong đó: Trạm Y tế cập nhật trên phần mềm V20 là 18.531 người; các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tự tổ chức khám và báo cáo kết quả về phường là 2.010 người. Hiện còn 5.344 người đã khám nhưng chưa được cập nhật dữ liệu lên hệ thống, trong đó: số chưa được cập nhật dữ liệu do Trạm y tế khám là 91 người, số của các Doanh nghiệp đóng trên địa bàn phường là 5.253 người (*theo báo cáo các đơn vị, doanh nghiệp gửi về UBND phường*), UBND phường chỉ đạo Trạm Y tế và các đơn vị liên quan tiếp tục rà soát, cập nhật đầy đủ, kịp thời. Đồng thời, chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ khám sức khỏe, phấn đấu hoàn thành khám sức khỏe cho toàn bộ người dân trên địa bàn phường trước tháng 11/2026.

9. Cơ sở dữ liệu nhân lực y tế

Đã rà soát, làm sạch, làm giàu và chuẩn hóa 42/42 hồ sơ cán bộ, viên chức. Kết quả: 42/42 hồ sơ đủ điều kiện đồng bộ trên Hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức quốc gia; tỷ lệ hoàn thành 100%.

10. Hệ thống thông tin lĩnh vực sức khỏe bà mẹ, trẻ em/sức khỏe sinh sản

Đã nhập dữ liệu 10 phụ nữ mang thai đến khám tại Trạm Y tế, hiện đã liên thông thành công 10/10 trường hợp, đạt tỷ lệ 100%.

11. Cơ sở dữ liệu môi trường cơ sở y tế

- Đã liên thông lên phần mềm quản lý cơ sở y tế các dữ liệu môi trường thuộc phạm vi quản lý của Trạm Y tế. Rác thải y tế được thực hiện theo hợp đồng với

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp 11 - URENCO 11 để thu gom, vận chuyển và xử lý; rác thải sinh hoạt được thực hiện theo hợp đồng với Công ty Môi trường Đô thị Hưng Yên để thu gom, vận chuyển và xử lý. Tỷ lệ hoàn thành đạt 100%.

- Dữ liệu chất thải phát sinh: 27 kg, trong đó:
- + Chất thải lây nhiễm, sắc nhọn: 8 kg;
- + Chất thải nguy hại không lây nhiễm: 9kg;
- + Chất thải rắn thông thường: 10kg.

12. Cơ sở dữ liệu về an toàn thực phẩm: Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh chưa hướng dẫn triển khai nội dung này.

(Gửi kèm Bảng tổng hợp tiến độ làm sạch 12 CSDL lĩnh vực y tế)

IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Khối lượng công việc lớn, thời gian thực hiện ngắn; số lượng đối tượng cần rà soát, làm sạch và cập nhật dữ liệu lớn.

2. Nhiều trường hợp thiếu mã định danh/CCCD; thông tin cá nhân, số điện thoại hoặc địa chỉ cư trú trên phần mềm sai hoặc chưa đầy đủ, gây khó khăn cho việc xác thực.

Đối với 03 trường hợp thuộc Cơ sở dữ liệu đối tượng trợ giúp xã hội, do đối tượng không thực hiện đăng ký thông tin dữ liệu về dân cư với cơ quan công an nên trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư không có thông tin của 03 trường hợp này, đối tượng không còn lưu giữ các giấy tờ liên quan về hộ tịch (*Sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân cũ*) nên khó khăn cho việc đăng ký cấp số định danh cá nhân.

Các cơ quan chuyên môn (Tư pháp, Công an, Văn hóa - Xã hội) đang phối hợp với Tổ dân phố tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân làm thủ tục đăng ký khai sinh, cấp định danh cá nhân để hoàn thành việc làm sạch Cơ sở dữ liệu đối tượng trợ giúp xã hội.

3. Việc xác minh thông tin qua điện thoại gặp khó khăn do người dân cảnh giác với các cuộc gọi lạ, hạn chế cung cấp thông tin.

4. Một số cơ sở tiêm chủng chưa phối hợp thường xuyên trong việc cập nhật, bổ sung thông tin; có trường hợp tạo đối tượng không đúng địa chỉ cư trú.

5. Nhân lực tham gia rà soát, nhập liệu còn hạn chế do phải đồng thời thực hiện nhiều nhiệm vụ chuyên môn khác; trang thiết bị phục vụ nhập liệu còn hạn chế.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Sở Y tế/Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên

- Tiếp tục tổ chức tập huấn chuyên sâu cho cán bộ phụ trách các cơ sở dữ liệu;

- Hỗ trợ xử lý các lỗi kỹ thuật phát sinh trong quá trình nhập, đồng bộ dữ liệu;
- Chỉ đạo các cơ sở tiêm chủng phối hợp thực hiện làm sạch dữ liệu;
- Tiếp tục hướng dẫn việc kết nối, liên thông các hệ thống dữ liệu chuyên ngành.

2. Đối với các đơn vị cung cấp, vận hành phần mềm

- Hoàn thiện, nâng cấp giao diện nhập liệu; bổ sung chức năng cảnh báo hồ sơ trùng, nghi trùng và cảnh báo thiếu các trường thông tin bắt buộc;
- Tăng tốc độ truy cập, xử lý dữ liệu và hỗ trợ Trạm Y tế phường xử lý các lỗi kỹ thuật trong quá trình đồng bộ dữ liệu;
- Tiếp tục hoàn thiện kết nối liên thông giữa V20 với eMCH và các hệ thống chuyên ngành liên quan.

VI. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Ủy ban nhân dân phường Phố Hiến tiếp tục chỉ đạo các phòng, ban, ngành, đơn vị phối hợp thực hiện rà soát, cập nhật, làm sạch dữ liệu, bảo đảm 10 CSDL hoàn thành trong tháng 10/2026; cơ sở dữ liệu khám sức khỏe hoàn thành trước ngày 30/11/2026; đối với cơ sở dữ liệu về an toàn thực phẩm, thời gian hoàn thành theo quy định của Bộ Y tế.

2. Tiếp tục hoàn thiện việc cập nhật, liên thông dữ liệu khám chữa bệnh và Sở sức khỏe điện tử.

3. Duy trì đồng bộ dữ liệu nhân lực y tế, SKBMTE/SKSS và môi trường cơ sở y tế. Duy trì việc cập nhật và kiểm tra dữ liệu thường xuyên, bảo đảm dữ liệu “Đúng - Đủ - Sạch - Sống”, thống nhất, dùng chung, đồng bộ và xuyên suốt.

Trên đây là báo cáo kết quả 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu 12 cơ sở dữ liệu lĩnh vực y tế, Ủy ban nhân dân phường Phố Hiến kính gửi Sở Y tế tỉnh Hưng Yên tổng hợp./. *ph*

Nơi nhận:

- Sở Y tế Hưng Yên;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Lưu: VHXX, VT. *ph*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

KỶ BÍ: VĂN PHÒNG HỘI
ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY
BAN NHÂN DÂN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN



Nguyễn Phúc Thọ

Nguyễn Phúc Thọ



Ký bởi: VĂN PHÒNG HỘI
ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY
BAN NHÂN DÂN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

BIỂU TỔNG HỢP

TIẾN ĐỘ LÀM SẠCH, LÀM GIÀU, CHUẨN HÓA 12 CSDL DỮ LIỆU Y TẾ TÍNH ĐẾN 30/9/2026
(Kèm theo Báo cáo số 703/BC-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Phố Hiến)

STT	Cơ sở dữ liệu	Tổng số bản ghi phải rà soát	Đã rà soát	Đã làm sạch	Đã chuẩn hóa	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Ghi chú
1	CSDL về nhân lực y tế	42	42	42	42	100	
2	CSDL môi trường cơ sở y tế	27	27	27	27	100	
3	CSDL cơ sở trợ giúp xã hội	0	0	0	0	0	Không có cơ sở trợ giúp xã hội
4	CSDL đối tượng trợ giúp xã hội	2.187	2.187	2.184	2.184	99,86	
5	CSDL người khuyết tật	675	675	675	675	100	
6	CSDL người làm công tác xã hội	8	8	8	8	100	
7	CSDL lĩnh vực dự phòng, HIV/AIDS	95	95	95	95	100	
8	Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia	31.671	31.671	28.516	28.516	90,04	
9	Hệ thống thông tin lĩnh vực sức khỏe bà mẹ trẻ em/sức khỏe sinh sản	10	10	10	10	100	
10	CSDL quản lý trẻ em	10.815	10.815	9.925	9.925	91,77	
11	CSDL về an toàn thực phẩm	0	0	0	0	0	Chưa được triển khai
12	CSDL Khám, chữa bệnh	20.541	20.541	20.354	20354	99,09	
-	Trạm Y tế phường	18.622	18.622	18.531	18.531	99,5	
-	Các cơ sở khám chữa bệnh khác	7.263	7.263	2.010	2.010	100	